

NGHI P V BAO THANH TOÁN

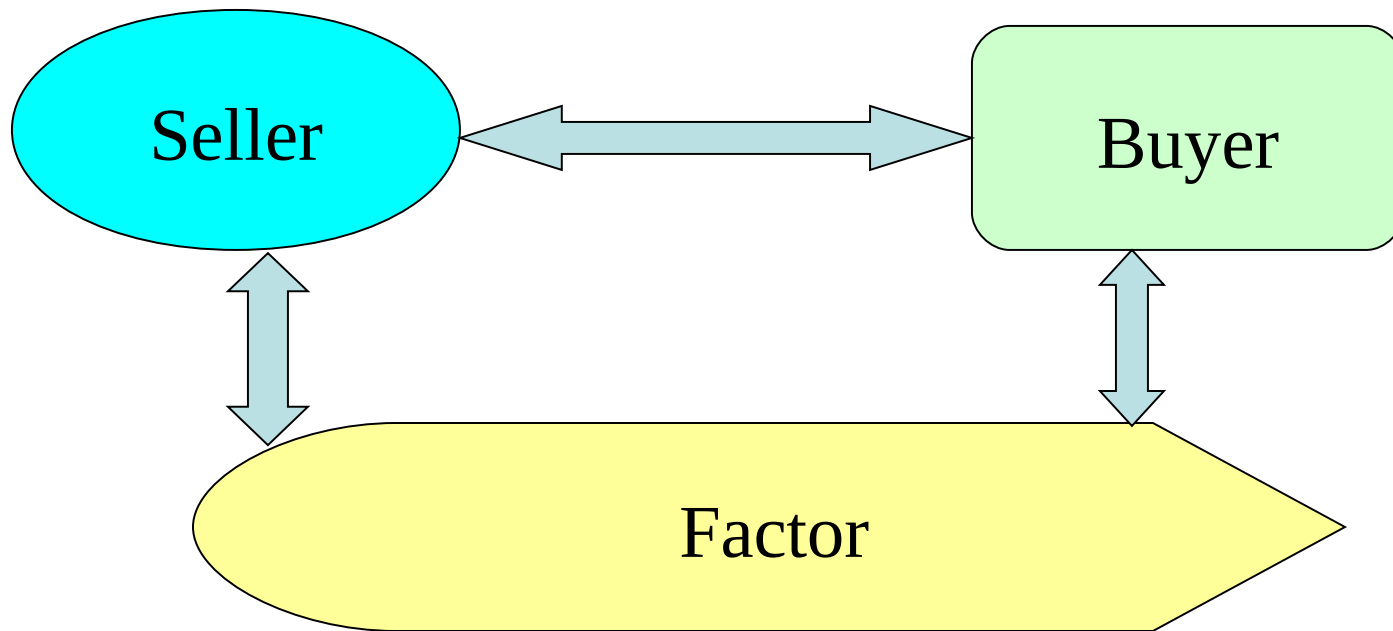
I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BAO THANH TOÁN

1. Khái niệm:

Nghiệp vụ bao thanh toán chính là hình thức tài trợ cho những khoản thanh toán chưa đến hạn từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng hàng hóa dịch vụ, đó chính là hoạt động mua bán nợ.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BAO THANH TOÁN

CÁC BÊN THAM GIA TRONG NGHIỆP VỤ BTT:



I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BAO THANH TOÁN

2. Các chủ thể tham gia trong hoạt động BTT:

- ❖ *Đơn vị bao thanh toán – Factor*: là người thực hiện việc mua bán các khoản nợ và các dịch vụ khác liên quan đến mua bán nợ, bao gồm: các ngân hàng; công ty tài chính.
- ❖ *Người bán - Client, Seller, Exporter*: là các đơn vị sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ, là người sở hữu hợp pháp những khoản nợ chưa đến hạn thanh toán.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BAO THANH TOÁN

2. Các chủ thể tham gia trong hoạt động bao thanh toán:

- ❖ **Người mua - *Debtor, Buyer, Importer***: là các đơn vị sản xuất kinh doanh, đó chính là người mua hàng hóa hay nhận các dịch vụ cung ứng, là người phải trả cho các khoản nợ.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BAO THANH TOÁN

3. Các loại hình bao thanh toán:

❖ Phân loại theo ý nghĩa bảo hiểm rủi ro:

- *Bao thanh toán có quyền truy đòi*: là loại hình bao thanh toán, theo đó đơn vị BTT có quyền đòi lại số tiền đã ứng trước cho bên bán hàng khi bên mua hàng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khoản phải thu.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BAO THANH TOÁN

3. Các loại hình bao thanh toán:

❖ Phân loại theo ý nghĩa bảo hiểm rủi ro:

- *Bao thanh toán không có quyền truy đòi:* là loại hình BTT, theo đó đơn vị BTT chịu toàn bộ rủi ro khi bên mua hàng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các khoản phải thu.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BAO THANH TOÁN

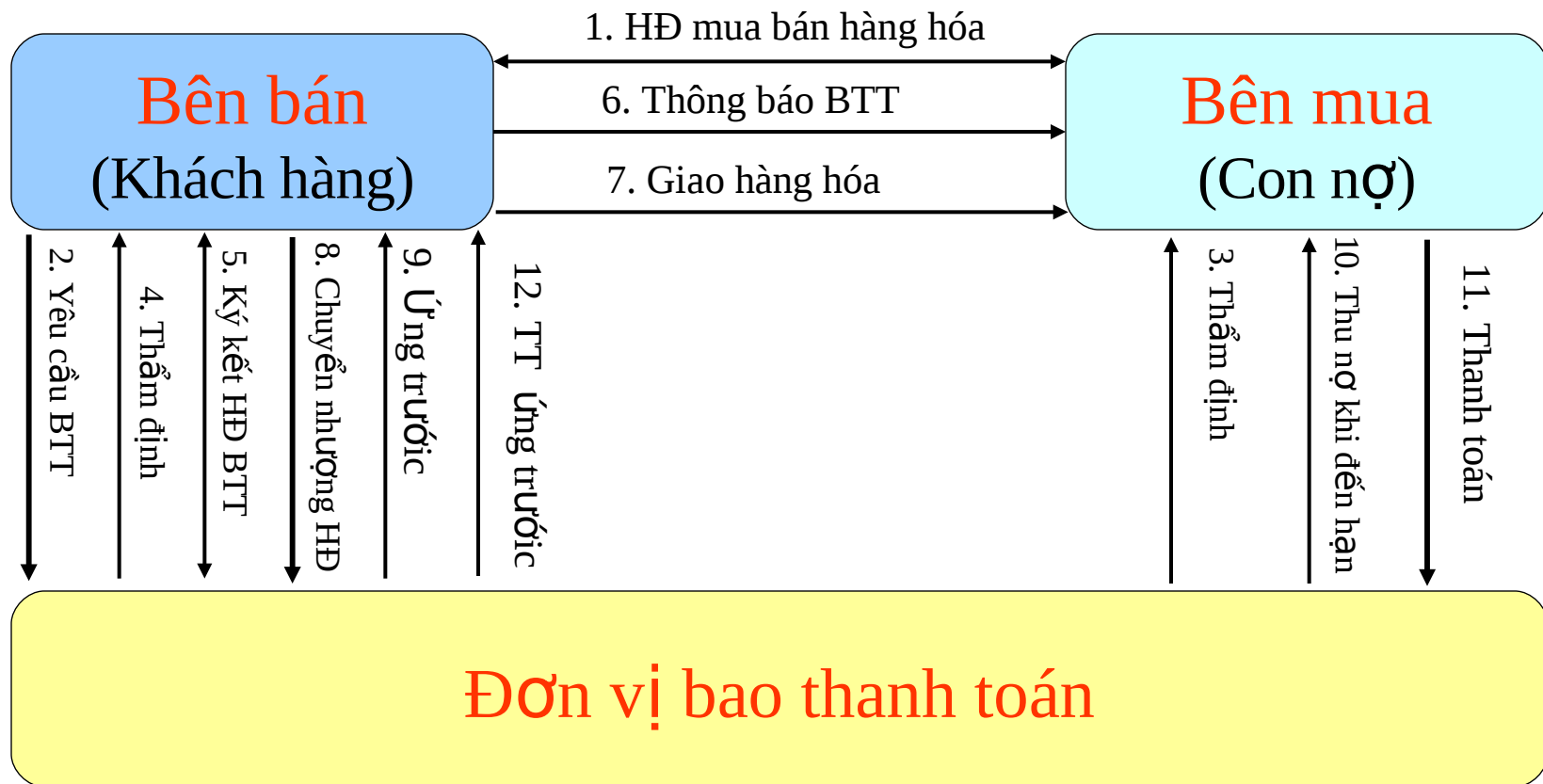
3. Các loại hình bao thanh toán:

❖ Phân loại theo phạm vi thực hiện:

- **Bao thanh toán trong nước:** Bao thanh toán trong nước là loại hình BTT dựa trên hợp đồng mua bán hàng hóa, trong đó bên bán hàng và bên mua hàng là những đơn vị cư trú trong nước.
- **Bao thanh toán xuất nhập khẩu:** Bao thanh toán xuất nhập khẩu là loại hình BTT dựa trên hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa, trong đó bên bán hàng và bên mua hàng là những đơn vị cư trú ở hai quốc gia khác nhau.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

1. Quy trình bao thanh toán trong nước:



II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

1. Quy trình bao thanh toán trong nước:

(1): Bên bán và bên mua ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa.

(2): Bên bán đề nghị đơn vị BTT thực hiện BTT các khoản phải thu.

(3): Đơn vị BTT tiến hành thẩm định (*phân tích các khoản phải thu, tình hình hoạt động, khả năng tài chính*) và cấp hạn mức BTT cho bên mua (*nếu bên mua hàng chưa nằm trong danh sách khách hàng đã được đơn vị BTT cấp hạn mức*)

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

1. Quy trình bao thanh toán trong nước:

(4): Đơn vị BTT tiến hành thẩm định, trả lời tín dụng và cấp hạn mức BTT cho bên bán.

(5): Đơn vị BTT và bên bán tiến hành ký kết HĐ BTT.

(6): Bên bán ký gửi văn bản thông báo BTT cho bên mua, trong đó nêu rõ việc bên bán chuyển giao quyền đòi nợ cho đơn vị BTT, hướng dẫn bên mua thanh toán vào tài khoản của đơn vị BTT

(7): Bên bán chuyển giao HH cho bên mua

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

1. Quy trình bao thanh toán trong nước:

(8): Bên bán hàng chuyển nhượng bản gốc của HĐ mua bán, hóa đơn và các chứng từ khác liên quan đến khoản phải thu cho đơn vị BTT.

(9): Đơn vị bao thanh toán ứng trước tiền cho bên bán theo các điều kiện thỏa thuận trong hợp đồng BTT.

(10): Đơn vị BTT theo dõi và thu nợ từ bên mua khi đến hạn thanh toán.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

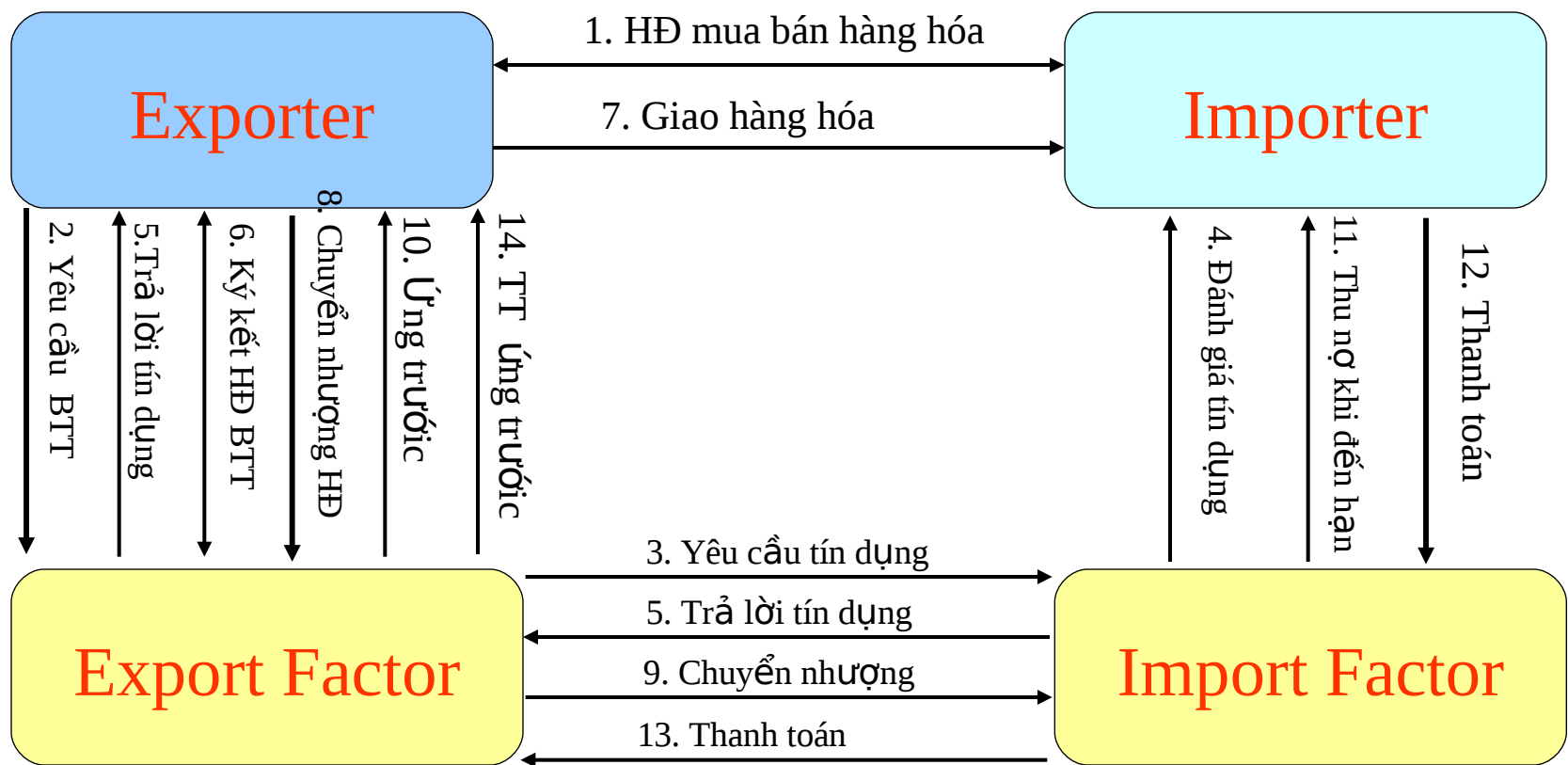
1. Quy trình bao thanh toán trong nước:

(11): Bên mua hàng thanh toán tiền cho đơn vị BTT theo hướng dẫn của bên bán.

(12): Đơn vị bao thanh toán tất toán khoản ứng trước với bên bán theo quy định trong hợp đồng bao thanh toán.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

2. Quy trình bao thanh toán xuất nhập khẩu:



II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

2. Quy trình BTT xuất nhập khẩu:

(1): Đơn vị xuất khẩu và nhập khẩu ký hợp đồng mua bán hàng hóa.

(2): Đơn vị xuất khẩu yêu cầu BTT đối với đơn vị BTT xuất khẩu.

(3): Đơn vị BTT xuất khẩu chuyển thông tin cho đơn vị BTT nhập khẩu, yêu cầu cấp hạn mức BTT sơ bộ cho nhà nhập khẩu.

(4): Đơn vị BTT nhập khẩu tiến hành kiểm tra và thẩm định đối với nhà nhập khẩu.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

2. Quy trình BTT xuất nhập khẩu:

(5): Đơn vị BTT nhập khẩu trả lời tín dụng cho đơn vị BTT xuất khẩu.

Dựa trên trả lời tín dụng của đơn vị BTT nhập khẩu, đơn vị BTT xuất khẩu tiến hành ký hợp đồng BTT với nhà xuất khẩu.

(7): Đơn vị xuất khẩu chuyển giao hàng hóa cho đơn vị nhập khẩu theo điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

2. Quy trình BTT xuất nhập khẩu:

(8): Đơn vị xuất khẩu chuyển nhượng chứng từ thanh toán (*hóa đơn, các chứng từ khác liên quan đến khoản phải thu*) và kèm theo giấy đề nghị ứng trước cho đơn vị BTT xuất khẩu.

(9): Đơn vị BTT xuất khẩu chuyển nhượng chứng từ thanh toán cho đơn vị BTT nhập khẩu.

(10): Đơn vị BTT xuất khẩu ứng trước khoản phải thu cho nhà xuất khẩu.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

2. Quy trình BTT xuất nhập khẩu:

(11): Đơn vị BTT nhập khẩu theo dõi và thu nợ nhà nhập khẩu khi đến hạn thanh toán.

(12): Đơn vị nhập khẩu thanh toán tiền cho đơn vị BTT nhập khẩu.

(13): Đơn vị BTT khẩu thanh toán cho đơn vị BTT xuất khẩu sau khi đã trừ đi phần phí và các khoản thu khác (nếu có).

(14): Đơn vị BTT xuất khẩu tất toán khoản tiền ứng trước với bên xuất khẩu.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

3. Đối tượng khách hàng:

a. **Đối với bên bán:** là các đơn vị sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thỏa mãn các điều kiện:

- Hội đủ các điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật.
- Không thuộc đối tượng hạn chế cho vay hoặc không cho vay theo quy định pháp luật.
- Là chủ sở hữu hợp pháp và có toàn quyền hưởng lợi đối với các khoản phải thu.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

3. Đối tượng khách hàng:

b. **Đối với bên mua:** *là các đơn vị sản xuất kinh doanh hội đủ các điều kiện:*

- Có tình hình tài chính lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn đối với các khoản phải thu được yêu cầu BTT.

- Có lịch sử thanh toán tương đối tốt với tất cả các đối tác trong hoạt động kinh doanh.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

4. Quy định về khoản phải thu được BTT:

Không nằm trong danh mục các khoản phải thu không được phép thực hiện bao thanh toán, chặn hạn:

- Phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa có quy định cấm chuyển nhượng các khoản phải thu.
- Phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa bị pháp luật cấm trao đổi, mua bán, chuyển nhượng.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

4. Quy định về khoản phải thu được BTT:

- Phát sinh từ các giao dịch thỏa thuận bất hợp pháp; các giao dịch thỏa thuận đang có tranh chấp.
- Các khoản phải thu đã được gán nợ, cầm cố, thế chấp để vay vốn từ các tổ chức khác.
- Các khoản phải thu đã được gia hạn hoặc quá hạn thanh toán theo hợp đồng mua bán.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

5. Số tiền ứng trước các khoản phải thu:

➤ Tỷ lệ ứng trước phụ được xác định dựa trên các yếu tố sau:

- Mặt hàng mua bán, điều kiện thanh toán, phương thức thanh toán.

- Các thỏa thuận khác : giảm giá, chiết khấu, các khoản giảm trừ...

➤ Số tiền ứng trước :

ST ứng trước = Tỷ lệ ứng trước * Giá trị phải thu

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

6. Tiền lãi, phí trong hoạt động BTT:

a. Lãi ứng trước:

✓ *Tiền lãi trong hạn:*

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi} \\ \text{Ứng} \\ \text{trước} \end{array} = \text{Số tiền ứng trước} * \text{Số ngày ứng trước} * \text{Lãi suất} \\ \text{Ứng trước}$$

✓ *Tiền lãi quá hạn:*

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi} \\ \text{quá hạn} \end{array} = \text{Số tiền ứng trước} * \text{Số ngày quá hạn} * \text{Lãi suất} \\ \text{quá hạn}$$

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

6. Tiền lãi, phí trong hoạt động BTT:

LƯU Ý:

- Thời hạn ứng trước hay số ngày ứng trước bao gồm thời hạn thanh toán còn lại và số ngày dự phòng (*nếu có*).

+ *Thời hạn thanh toán còn lại* : là số ngày tính từ ngày ứng trước cho đến ngày đến hạn thanh toán của các khoản phải thu.

+ *Số ngày dự phòng* : được tính toán dựa trên thời gian thanh toán chậm trễ theo tập quán thanh toán, thời gian chuyển khoản, thời gian chờ xử lý chứng từ.

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

6. Tiền lãi, phí trong hoạt động BTT:

b. Phí bao thanh toán:

➤ BTT trong nước:

Phí BTT = Giá trị phải thu * Mức phí BTT.

➤ BTT xuất nhập khẩu:

Phí BTT XNK = $\left[\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{phí} \\ \text{của EF} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{phí} \\ \text{của IF} \end{array} \right] * \begin{array}{l} \text{Giá trị các khoản} \\ \text{phải thu} \\ \text{được BTT} \end{array}$

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ BAO THANH TOÁN:

8. Tất toán số tiền ứng trước:

Khi nhận được thanh toán, đơn vị BTT phải thanh toán phần giá trị còn lại cho khách hàng.

$$\text{GT còn lại} = \text{GT khoản phải thu được BTT} \\ - (\text{ST ứng trước} + \text{Tiền lãi BTT} + \text{Phí BTT})$$

III. LỢI ÍCH VÀ HẠN CHẾ CỦA NGHIỆP VỤ BTT

1. Lợi ích của hoạt động bao thanh toán:

❖ Đối với đơn vị bao thanh toán:

- Đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, duy trì, mở rộng thị phần của ngân hàng.
- Nâng cao uy tín của ngân hàng trên thương trường quốc tế.
- Thu được phí và lãi.

III. LỢI ÍCH VÀ HẠN CHẾ CỦA NGHIỆP VỤ BTT

1. Lợi ích của hoạt động bao thanh toán:

❖ Đối với bên bán hàng:

- Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trong sản xuất và trao đổi hàng hóa.
- Được tài trợ vốn lưu động trên cơ sở doanh thu bán hàng, góp phần làm cho vòng quay vốn tăng nhanh, phát triển kinh doanh.
- Tiết kiệm thời gian và chi phí trong việc theo dõi để thu hồi các khoản phải thu phát sinh.

III. LỢI ÍCH VÀ HẠN CHẾ CỦA NGHIỆP VỤ BTT

1. Lợi ích của hoạt động bao thanh toán:

❖ Đối với bên bán hàng:

- Khắc phục được những khó khăn trong đàm phán giao dịch do bất đồng ngôn ngữ.
- Cập nhật được nhiều thông tin chính xác, đầy đủ về người mua.
- Giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh xuất phát từ sự khác nhau về pháp luật và tập quán thanh toán giữa các khu vực, quốc gia.

III. LỢI ÍCH VÀ HẠN CHẾ CỦA NGHIỆP VỤ BTT

1. Lợi ích của hoạt động bao thanh toán:

❖ Đối với bên mua hàng:

- Có nhiều cơ hội được mua hàng trả chậm từ phía các đối tác.
- Tiết kiệm được chi phí, thời gian cho khâu nhập khẩu hàng hóa.
- Giảm áp lực trả nợ cho nhà cung cấp.
- Hạn chế khó khăn do bất đồng ngôn ngữ trong giao dịch đàm phán.

III. LỢI ÍCH VÀ HẠN CHẾ CỦA NGHIỆP VỤ BTT

2. Hạn chế của hoạt động bao thanh toán:

- Người mua phải chấp nhận một mức giá mua hàng hóa cao hơn so với các phương thức khác.
- Người mua phải thanh toán cho đơn vị BTT khi hai bên không có quan hệ hợp đồng ràng buộc.
- BTT là hình thức tài trợ dựa trên hóa đơn và hợp đồng mua bán hàng hóa nên dễ dẫn tới trường hợp giả mạo.